

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2022/DS-ST

Ngày 25 tháng 4 năm 2022

V/v tranh chấp: Hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Quang Minh
2. Ông Nguyễn Việt Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn L, sinh năm 1966 (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Tô Văn T, sinh năm 1950 (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Bà Lữ Thị Ten, sinh năm 1951 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2022, cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Văn L trình bày: Ông với ông Tô Văn T thực hiện giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản từ năm 2014 đến nay. Theo đó ông lấy thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản từ các

đại lý về bán lại cho ông T mua để nuôi tôm. Hai bên thỏa thuận đến khi thu hoạch thì phía ông T phải thanh toán dứt điểm.

Trong quá trình giao dịch ông T không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận là đến khi thu hoạch phía ông T không thanh toán cho ông số tiền còn lại. Đến ngày 20/02/2020 phía ông T đã làm giấy nhận nợ cho ông, số tiền 46.000.000 đồng và hứa trả trong 02 lần. Lần 1 vào ngày 20/4/2020^{âl}, và lần 2 vào ngày 20/12/2020^{âl}. Tuy nhiên, đến nay ông T không trả nên ông có yêu cầu đến Ban nhân dân ấp Lung Trường giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 12 (xác nhận ngày 17/01/2022), ông T thừa nhận số nợ trên nhưng không có khả năng trả.

Nay ông yêu cầu ông Tô Văn T và bà Lữ Thị Ten trả số tiền nợ 46.000.000 đồng. Ông không yêu cầu tính lãi suất.

- *Bị đơn ông Tô Văn T*: Tòa án đã tổng đạt các thông báo, quyết định, giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không thể mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được với ông T, ông T cũng không có ý kiến gì đến chứng cứ do phía nguyên đơn cung cấp.

- *Tại biên bản làm việc ngày 22/02/2022, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lữ Thị Ten trình bày*: Bà thống nhất số tiền chồng bà còn nợ ông L 46.000.000 đồng theo biên nhận nợ và xác định đúng là chữ ký, chữ viết của ông T nhưng hiện nay bà không có khả năng trả, khi nào có thì trả. Do bà lớn tuổi nên xin được miễn án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa từ khi thụ lý, đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự trong vụ án thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định. Về nội dung: Tại đơn khởi kiện ông L yêu cầu bị đơn trả số tiền 46.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông T và bà Ten trả số tiền 46.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 244 chấp nhận yêu cầu thay đổi một phần khởi kiện. Đối với yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả số tiền 46.000.000 đồng đề nghị HĐXX áp dụng Điều 430, 434 và 440 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trả số tiền 46.000.000 đồng. Án phí sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Ông Tô Văn T có nơi cư trú tại ấp Lung Trường, xã Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; nội dung tranh chấp là hợp đồng mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Lữ Thị Ten xin vắng mặt, ông Tô Văn T vắng mặt; Căn cứ khoản 1 và khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định.

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Liên quan đến số tiền mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản, tại giấy nhận nợ ngày 20/02/2020, mà ông T còn thiếu lại số tiền 46.000.000 đồng nên ông Trần Văn L khởi kiện yêu cầu ông T thanh toán số tiền trên. Như vậy, quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429; Điều 430 và Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015;

[2] *Về nội dung tranh chấp*: Theo nguyên đơn trình bày, từ năm 2014, nguyên đơn có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản (lấy của các đại lý) cho ông T. Ngày 20/02/2020, ông T có làm giấy nhận nợ số tiền 46.000.000 đồng. Số tiền nợ này là do các bên có giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản với nhau còn thiếu lại. Từ khi làm giấy nhận nợ đến nay phía ông T không trả. Nguyên đơn xác định trong thời gian ông T giao dịch mua bán với nhau thì ông T và bà Ten là vợ chồng nên buộc ông T và bà Ten có nghĩa vụ trả số tiền 46.000.000 đồng.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*: Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà Ten có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền 46.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình; trong giai đoạn xét xử nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án giấy nhận nợ ngày 20/02/2020, có thể hiện chữ ký, chữ viết tên ông Tô Văn T; biên bản hòa giải cơ sở ngày 10 tháng 12 (xác nhận ngày 17/01/2022) có thể hiện nội dung ông T thừa nhận còn nợ lại số tiền 46.000.000 đồng.

Tại biên bản làm việc ngày 22/02/2022, bà Lữ Thị Ten thừa nhận số tiền nợ 46.000.000 đồng trong giấy nhận nợ ngày 20/02/2020 đúng là chữ ký, chữ viết tên của ông T (chồng của bà) nhưng cho rằng hiện nay không có tiền trả.

Xét, giao dịch mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản giữa ông Trần Văn L với ông Tô Văn T là thực tế và ông T thừa nhận tại giấy nhận nợ ngày

20/02/2020, biên bản hòa giải cơ sở và tại biên bản làm việc với bà Ten ngày 22/02/2022 nên đây được xem là chứng cứ có thật, không cần phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với việc ông T cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án khi bà Ten đã nhận được thông báo của Tòa án về việc thụ lý vụ án và việc Tòa án có làm việc với bà Ten, bà Ten cũng biết việc ông L kiện đòi số tiền trên nhưng ông T cũng không có ý kiến gì. Hiện nay ông T với bà Ten vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân nên việc nguyên đơn yêu cầu ông T và bà Ten cùng có nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ.

Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khẳng định về chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, cũng như lời thừa nhận của bà Ten là hợp lệ, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí*: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đã dự nộp được nhận lại. Bị đơn ông Tô Văn T thuộc trường hợp được miễn án phí. Tuy nhiên, ông T vắng mặt và không có đơn yêu cầu được miễn án phí theo quy định nên ông T vẫn phải chịu án phí. Bà Lữ Thị Ten là người cao tuổi, khi Tòa án tiến hành làm việc bà Ten xin miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 và khoản 3 Điều 68, khoản 1 khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 92, khoản 3 Điều 144, Điều 196, Điều 205, Điều 208, Điều 210, khoản 1 Điều 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 429, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc ông Tô Văn T và bà Lữ Thị Ten có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn L, số tiền 46.000.000 đồng (*Bốn mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày ông Trần Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Tô Văn T, bà Lữ Thị Ten không thi hành xong khoản tiền trên, ông Tô Văn T, bà Lữ Thị Ten

còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: Ông Tô Văn T phải chịu một phần án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 1.150.000 đồng (*Một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*), bà Lữ Thị Ten được miễn toàn bộ án phí theo quy định; ông Trần Văn L được nhận lại số tiền 1.150.000 đồng theo biên lai thu số 0004373 ngày 10/02/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Án xử sơ thẩm công khai: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công